

Thành phần/ Composition:		Sản xuất tại/ Manufactured by:	
Mỗi viên nang mềm chứa/ Each soft capsule contains:		CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY	
Retinyl palmitat	2500IU	Pyridoxin HCl	5mg
Cholecalciferol	200IU	Acid ascorbic	30mg
α -Tocopheryl acetat	10mg	Nicotinamid	18mg
Thiamin nitrat	5mg	Ta dươc vđ/ Excipients q.v	
Riboflavin	2mg	Viên nang mềm/ Soft capsule	

Sản xuất tại/ Manufactured by:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Xã Minh Xuân, Hà Đông - T.P Hà Nội
Xã Minh Xuân, Hà Đông - Hà Nội
Tài liệu và nhãn ghi rõ: Manufactured & distributed by:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Số 11, Ngõ 11, Ngõ 1, phố Thụy Linh
Đ. Minh Xuân, Q. Hoàng Mai - Hà Nội

Multivitamin Supplement

Emingaton

30 Soft Caps. (2 Blisters x 15 Soft Caps.)

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING
INSTRUCTIONS BEFORE USE

HATAPHAR

GMP WHO

Distributed by: EU PHARMA

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/
Indications, Contraindications, Dosage, Administration:
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/
See the package insert inside.

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.
/Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications: TCCS/Manufacturer's.

SDK (Reg.No):
Số lô SX (Lot.No) :
Ngày SX (Mfg. Date):
HD (Exp. Date) :

Cung cấp các Vitamin

Emingaton

30 Viên nang mềm (Hộp 2 vỉ x 15 viên)

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC
KHI DÙNG

HATAPHAR

GMP WHO

Distributed by: EU PHARMA

Cung cấp các Vitamin

Emingaton



Emingaton

Cung cấp các Vitamin

SDK (Reg.No):

Retinyl palmitat	2500IU
Cholecalciferol	200IU
α -Tocopheryl acetat	10mg
Thiamin nitrat	5mg
Riboflavin	2mg
Pyridoxin. HCl	2mg
Acid ascorbic	30mg
Nicotinamid	18mg

SX tại: C.T.C.P.D.P HÀ TÂY

TT & PP bởi: CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Emingaton

Cung cấp các Vitamin

SDK (Reg.No):

Retinyl palmitat	2500IU
Cholecalciferol	200IU
α -Tocopheryl acetat	10mg
Thiamin nitrat	5mg
Riboflavin	2mg
Pyridoxin. HCl	2mg
Acid ascorbic	30mg
Nicotinamid	18mg

Manufactured by: HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C

Marketed and distributed by: EU PHARMACEUTICAL JSC

Emingaton

Cung cấp các Vitamin

SDK (Reg.No):

Số lô SX:

HD :

Hướng dẫn sử dụng thuốc
EMINGATON



- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm.
- **Qui cách đóng gói:** Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm.
- **Thành phần:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Vitamin A (Retinyl palmitat)	2500IU	Vitamin E (α -Tocopheryl acetat)	10mg
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	5mg	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	2mg	Vitamin PP (Nicotinamid)	18mg
Vitamin C (Acid ascorbic)	30mg	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	200IU
Tá dược v đ	1 viên		

(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, dầu cọ, sáp ong trắng, aerosil, lecithin, gelatin, glycerin, dung dịch sorbitol 70%, nipagin, nipasol, ethyl vanilin, titan dioxyd, phẩm màu chocolate, phẩm màu sunset yellow, nước tinh khiết, ethanol 90, gồm arabic).

- **Chỉ định:** Bổ sung các vitamin cho cơ thể. Dùng trong các trường hợp: Người mới ốm dậy, người bị bệnh mạn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp: mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú
- **Cách dùng và liều lượng:**

* **Người lớn:** Uống mỗi lần 1 viên x 2 lần/ ngày.

* **Trẻ em:** Uống 1 viên/ngày.

- **Chống chỉ định:** Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.

- Người bệnh thừa vitamin A.
- Tăng calci máu hoặc nhiễm độc vitamin D.
- Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.
- Dùng liều cao vitamin C cho người bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase (G6PD). Người sỏi thận (Khi dùng liều cao 1g/ngày).

- **Thận trọng:**

* **Vitamin B₆:** Dùng vitamin B₆ với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B₆.

* **Vitamin A:** Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A

* **Vitamin D₃:** Sarcoidosis hoặc thiếu năng cận giáp (có thể tăng nhạy cảm với vitamin D), suy chức năng thận, bệnh tim, sỏi thận, xơ vữa động mạch

* **Vitamin C:** Dùng vitamin C liều cao kéo dài có thể dẫn đến hiện tượng nhờn thuốc, do đó khi giảm liều sẽ dẫn đến thiếu hụt vitamin C. Uống liều lớn vitamin C trong khi mang thai có thể dẫn đến bệnh scorbut ở trẻ sơ sinh.

- Tăng oxalat niệu có thể xảy ra sau khi dùng liều cao vitamin C. Vitamin C có thể gây acid - hoá nước tiểu, đôi khi dẫn đến kết tủa urat hoặc cystin, hoặc sỏi oxalat.

* **Vitamin B₁:** Những người dị ứng với penicillin dễ có dị ứng với vitamin B₁ và ngược lại.

* **Vitamin PP:** Khi sử dụng vitamin PP liều cao cho những trường hợp: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, bệnh gút, viêm khớp do gút, bệnh đái tháo đường.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:**

* **Uống vitamin A** liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy.

Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ. Đối với phụ nữ mang thai, liều Vitamin A trên 8.000IU mỗi ngày có thể gây ngộ độc cho thai nhi

* *Uống Vitamin D₃* quá liều có thể gây ngộ độc vitamin D. Các triệu chứng ban đầu của ngộ độc là dấu hiệu và triệu chứng của tăng calci máu. Tăng calci huyết và nhiễm độc vitamin D có một số tác dụng phụ như:

Thường gặp: Thân kinh (yếu, mệt mỏi, ngủ gà, đau đầu); Tiêu hoá (chán ăn, khô miệng, buồn nôn, táo bón, tiêu chảy); các biểu hiện khác (ù tai, mất điều hoà, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích)

Ít gặp hoặc hiếm gặp: Nhiễm calci thận, rối loạn chức năng thận, loãng xương ở người lớn, giảm phát triển ở trẻ em, sút cân; tăng huyết áp, loạn nhịp tim và một số rối loạn chuyển hoá.

* *Vitamin PP:* Liều nhỏ thường không gây độc, nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, các tác dụng phụ này sẽ hết sau khi dùng thuốc.

- *Thường gặp:* Tiêu hoá (buồn nôn); Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rất bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da.

- *Ít gặp:* Tiêu hoá (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hoá (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến, bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất

- *Hiếm gặp:* Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường, thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.

* *Vitamin B₂:* Không thấy tác dụng không mong muốn khi sử dụng vitamin B₂. Dùng liều cao thì nước tiểu sẽ chuyển màu vàng nhạt, gây sai lệch đối với một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm.

* *Vitamin B₆:* Dùng liều 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. *Hiếm gặp:* nôn, buồn nôn

Khi thấy các triệu chứng ngộ độc phải ngừng sử dụng thuốc và xử trí theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

* **Ghi chú:** " Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".

- **Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

* *Vitamin D₃:* Không nên dùng thuốc đồng thời với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột. Sử dụng dầu khoáng quá mức có thể cản trở hấp thu vitamin D ở ruột. Điều trị đồng thời với thuốc lợi niệu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết trong trường hợp này cần phải ngừng sử dụng thuốc tạm thời. Không dùng thuốc với phenobarbital và/hoặc phenytoin (có thể có những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25-hydroxyergocalciferol và 25-hydroxy-colecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hoá vitamin D thành những chất không có hoạt tính. Không nên dùng thuốc với corticosteroid vì corticosteroid làm cản trở tác dụng của vitamin D. Không dùng thuốc với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

* *Vitamin A:* Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với Isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

* *Vitamin E:* Vitamin E đối kháng với tác dụng của vitamin K nên làm tăng thời gian đông máu. Nồng độ vitamin E thấp ở người bị kém hấp thu do thuốc (như kém hấp thu khi dùng cholestyramin)

* *Vitamin B₂:* Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.



* **Vitamin B₆**: Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenyltoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về Vitamin B₆.

* **Vitamin PP**: Sử dụng vitamin PP đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc chẹn α -adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.

- Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- Không nên dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

* **Vitamin C**: Dùng đồng thời theo tỷ lệ trên 200mg vitamin C với 30mg sắt nguyên tố làm tăng hấp thu sắt qua đường dạ dày - ruột; tuy vậy, đa số người bệnh đều có khả năng hấp thu sắt uống vào một cách đầy đủ mà không phải dùng đồng thời vitamin C.

- Dùng đồng thời vitamin C với aspirin làm tăng bài tiết vitamin C và giảm bài tiết aspirin trong nước tiểu.

- Dùng đồng thời vitamin C với fluphenazin dẫn đến giảm nồng độ fluphenazin huyết tương. Sự acid hoá nước tiểu sau khi dùng vitamin C có thể làm thay đổi sự bài tiết của các thuốc khác.

- Vitamin C liều cao có thể phá huỷ vitamin B₁₂ nên người bệnh tránh uống vitamin C liều cao trong vòng 1 giờ trước hoặc sau khi uống vitamin B₁₂.

- **Quá liều và xử trí:**

* Vitamin E (Dùng quá 3000UI/ngày) có thể gây rối loạn tiêu hoá (Buồn nôn, nôn, đầy hơi, đi lỏng, viêm ruột hoại tử).

* Vitamin A (Dùng 100.000UI/ngày x 10-15 ngày liên, hoặc phụ nữ có thai dùng quá 8000UI/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn, buồn nôn.

* Dùng liều cao vitamin C (Quá 1g/ngày) gây sỏi thận.

- **Hạn dùng:** 36 tháng tính từ ngày sản xuất. **Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng.**

* **Lưu ý:** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, dính nang, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ... hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- **Bảo quản:** Để nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- **Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"

THUỐC SẢN XUẤT TẠI:

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

La Khê - Hà Đông- TP. Hà Nội

ĐT: 04.33522203-33516101. FAX: 04.33522203

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐS. Nguyễn Bá Lai

TỜ THÔNG TIN CHO BỆNH NHÂN (PIL)

1. Tên sản phẩm: EMINGATON

2. Mô tả sản phẩm: Viên nang mềm, hình thuôn dài, màu nâu. Viên khô cầm không dính tay, bên trong chứa hỗn hợp thuốc lỏng màu vàng nhạt.

3. Thành phần của thuốc: Vitamin A (retinyl palmitat), vitamin E (α -Tocopheryl acetat) vitamin B₁ (thiamin nitrat), vitamin B₂ (riboflavin), vitamin B₆ (pyridoxin. HCl), vitamin PP (nicotinamid), vitamin C (acid ascorbic), vitamin D₃ (cholecalciferol).

4. Hàm lượng của thuốc: Mỗi viên nang mềm chứa:

Vitamin A (Retinyl palmitat)	2500IU	Vitamin E (α -Tocopheryl acetat)	10mg
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	5mg	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	2mg	Vitamin PP (Nicotinamid)	18mg
Vitamin C (Acid ascorbic)	30mg	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	200IU
Tá dược v đ	1 viên		

5. Thuốc dùng cho bệnh gì? Bổ sung các vitamin cho cơ thể. Dùng trong các trường hợp: Người mới ốm dậy, người bị bệnh mạn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp: mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú

6. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

* Người lớn: Uống mỗi lần 1 viên x 2 lần/ ngày.

* Trẻ em: Uống 1 viên/ngày.

7. Khi nào không nên dùng thuốc này?: Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.

- Người bệnh thừa vitamin A.
- Tăng calci máu hoặc nhiễm độc vitamin D.
- Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.
- Dùng liều cao vitamin C cho người bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase (G6PD). Người sỏi thận (Khi dùng liều cao 1g/ngày).

8. Tác dụng không mong muốn:

* Uống vitamin A liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy. Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ. Đối với phụ nữ mang thai, liều Vitamin A trên 8.000IU mỗi ngày có thể gây ngộ độc cho thai nhi

* Uống Vitamin D₃ quá liều có thể gây ngộ độc vitamin D. Các triệu chứng ban đầu của ngộ độc là dấu hiệu và triệu chứng của tăng calci máu. Tăng calci huyết và nhiễm độc vitamin D có một số tác dụng phụ như:

Thường gặp: Thân kinh (yếu, mệt mỏi, ngủ gà, đau đầu); Tiêu hoá (chán ăn, khô miệng, buồn nôn, táo bón, tiêu chảy); các biểu hiện khác (ù tai, mất điều hoà, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích)



Ít gặp hoặc hiếm gặp: Nhiễm calci thận, rối loạn chức năng thận, loãng xương ở người lớn, giảm phát triển ở trẻ em, sút cân; tăng huyết áp, loạn nhịp tim và một số rối loạn chuyển hoá.

* **Vitamin PP:** Liều nhỏ thường không gây độc, nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, các tác dụng phụ này sẽ hết sau khi dùng thuốc.

- **Thường gặp:** Tiêu hoá (buồn nôn); Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da.

- **Ít gặp:** Tiêu hoá (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hoá (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến, bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất

- **Hiếm gặp:** Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường, thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.

* **Vitamin B₂:** Không thấy tác dụng không mong muốn khi sử dụng vitamin B₂. Dùng liều cao thì nước tiểu sẽ chuyển màu vàng nhạt, gây sai lệch đối với một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm.

* **Vitamin B₆:** Dùng liều 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ ngón tay không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vùng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. Hiếm gặp: nôn, buồn nôn

Khi thấy các triệu chứng ngộ độc phải ngừng sử dụng thuốc và xử trí theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

9. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

* **Vitamin D₃:** Không nên dùng thuốc đồng thời với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột. Sử dụng dầu khoáng quá mức có thể cản trở hấp thu vitamin D ở ruột. Điều trị đồng thời với thuốc lợi niệu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết trong trường hợp này cần phải ngừng sử dụng thuốc tạm thời. Không dùng thuốc với phenobarbital và/hoặc phenytoin (có thể có những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25-hydroxyergocalciferol và 25-hydroxy-colecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hoá vitamin D thành những chất không có hoạt tính. Không nên dùng thuốc với corticosteroid vì corticosteroid làm cản trở tác dụng của vitamin D. Không dùng thuốc với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

* **Vitamin A:** Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với Isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

* **Vitamin E:** Vitamin E đối kháng với tác dụng của vitamin K nên làm tăng thời gian đông máu. Nồng độ vitamin E thấp ở người bị kém hấp thu do thuốc (như kém hấp thu khi dùng cholestyramin)

* **Vitamin B₂:** Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

* **Vitamin B₆:** Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenytoin và



phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về Vitamin B₆.
* **Vitamin PP:** Sử dụng vitamin PP đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc chẹn α -adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.

- Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- Không nên dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

* **Vitamin C:** Dùng đồng thời theo tỷ lệ trên 200mg vitamin C với 30mg sắt nguyên tố làm tăng hấp thu sắt qua đường dạ dày - ruột; tuy vậy, đa số người bệnh đều có khả năng hấp thu sắt uống vào một cách đầy đủ mà không phải dùng đồng thời vitamin C.

- Dùng đồng thời vitamin C với aspirin làm tăng bài tiết vitamin C và giảm bài tiết aspirin trong nước tiểu.

- Dùng đồng thời vitamin C với fluphenazin dẫn đến giảm nồng độ fluphenazin huyết tương. Sự acid hoá nước tiểu sau khi dùng vitamin C có thể làm thay đổi sự bài tiết của các thuốc khác.

- Vitamin C liều cao có thể phá huỷ vitamin B₁₂ nên người bệnh tránh uống vitamin C liều cao trong vòng 1 giờ trước hoặc sau khi uống vitamin B₁₂.

10. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc? Nên tiếp tục uống thuốc theo liều lượng đã hướng dẫn trong tờ thông tin cho bệnh nhân.

11. Cần bảo quản thuốc này như thế nào? Để nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

12. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều?

* Vitamin E (Dùng quá 3000UI/ngày) có thể gây rối loạn tiêu hoá (Buồn nôn, nôn, đầy hơi, đi lỏng, viêm ruột hoại tử).

* Vitamin A (Dùng 100.000UI/ngày x 10-15 ngày liên, hoặc phụ nữ có thai dùng quá 8000UI/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn, buồn nôn.

* Dùng liều cao vitamin C (Quá 1g/ngày) gây sỏi thận.

13. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo? Khi thấy các dấu hiệu và triệu chứng trên nên đến cơ sở y tế gần nhất.

14. Tên của nhà sản xuất và chủ sở hữu giấy phép đăng ký sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY.

15. Những điều cần trọng khi dùng thuốc này:

* **Vitamin B₆:** Dùng vitamin B₆ với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B₆.

* **Vitamin A:** Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A

* **Vitamin D₃:** Sarcoidosis hoặc thiếu năng cận giáp (có thể tăng nhạy cảm với vitamin D), suy chức năng thận, bệnh tim, sỏi thận, xơ vữa động mạch

* **Vitamin C:** Dùng vitamin C liều cao kéo dài có thể dẫn đến hiện tượng nhờn thuốc, do đó khi giảm liều sẽ dẫn đến thiếu hụt vitamin C. Uống liều lớn vitamin C trong khi mang thai có thể dẫn đến bệnh scorbut ở trẻ sơ sinh.



- Tăng oxalat niệu có thể xảy ra sau khi dùng liều cao vitamin C. Vitamin C có thể gây acid hoá nước tiểu, đôi khi dẫn đến kết tủa urat hoặc cystin, hoặc sỏi oxalat.

**Vitamin B₁*: Những người dị ứng với penicillin dễ có dị ứng với vitamin B₁ và ngược lại.

* *Vitamin PP*: Khi sử dụng vitamin PP liều cao cho những trường hợp: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, bệnh gút, viêm khớp do gút, bệnh đái tháo đường.

16. Khi nào cần tham vấn bác sỹ:

- Khi cần thêm thông tin về thuốc.
- Khi thấy những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
- Khi dùng thuốc mà thấy triệu chứng của bệnh không thuyên giảm.

17. Ngày xem xét sửa đổi lại tờ thông tin cho bệnh nhân: 02/08/2011

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Giám đốc

PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐS. Nguyễn Bá Lai

